TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 15/01/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 522/2020/TLST – HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2020/QĐST – HNGĐ ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành X, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 37/4, khóm P, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 37/4, khóm P, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/7/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Nguyễn Thành X trình bày:***

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông X và bà H do tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân năm 2000, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 13/06/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, làm cho cuộc sống không hạnh phúc, gia đình không êm ấm, bà H không có nghề nghiệp ổn định có mối quan hệ bất chính với người khác khoảng 4 năm nay. Ông X nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông X yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị V, sinh năm 2007. Do cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, còn cháu V do ông Xuân đang nuôi dưỡng chăm sóc nên ông X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông X và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, do điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt khi tòa xét xử. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn**:** Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Cháu N đã trưởng thành nên không xét đến. Đối với cháu V hiện đang sinh sống cùng ông X nên để ổn định cho cháu về tâm lý cũng như môi trường sống đề nghị Hội đồng xét xử để ông X được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu V, bà H không phải cấp dưỡng do ông X không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông X đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, bà H không có ý kiến. Nên không xét đến.

Vì vậy, áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thành X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Thành X và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Ông Nguyễn Thành X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt khi tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoa.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của bà Nguyễn Thị H và được Công an phường M, thành phố X cung cấp thông tin: "Bà Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 37/4, khóm P, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông X và bà H do tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân năm 2000, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 13/06/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, làm cho cuộc sống không hạnh phúc, gia đình không êm ấm, bà Hoa không có nghề nghiệp ổn định có mối quan hệ bất chính với người khác khoảng 4 năm nay, vợ chồng đã ly thân tuy đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được. Ông X nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông X yêu cầu được ly hôn với bà H.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Tuy nhiên, bà H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông X và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông X và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông X bà H có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân khoảng 04 năm nay, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không mang lại kết quả. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của ông X dành cho vợ không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông X và bà H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông X được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị V, sinh năm 2007. Lời khai của ông X phù hợp với bản sao trích lục khai sinh do Ủy ban nhân phường M cấp. Xét thấy, thời gian qua cháu Vy được ông X trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu cũng muốn được tiếp tục sống với ba, bà H cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu về con chung. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu V, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

Đối với cháu Nguyễn Thị N do đã trưởng thành, có khả năng lao động và ông X cũng không có yêu cầu gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông X không yêu cầu bà Hoa cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông X và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Hoa được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông X trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn bà H cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*****:** Ông Nguyễn Thành X phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành X. Ông Nguyễn Thành X được ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con chung**:** Giao cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 11/5/2007 cho ông Nguyễn Thành X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông X cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà H thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung**:** Không xem xét.

Về án phí**:** Ông X phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do X đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005171 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành X và bà Lê Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND phường Mỹ Long;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh